

**BÁO CÁO  
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2019 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn ..... 8.000 tỷ đồng.
- + Thu nội địa ..... 7.350 tỷ đồng.
- + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ..... 650 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương ..... 8.800 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP..... 8.164,042 tỷ đồng.
- + Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ..... 635,958 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo công khai tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

**I. VỀ THU NSNN**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5.204,5 tỷ đồng, đạt 65,1% dự toán, tăng 38,4% cùng kỳ, bao gồm:

- Thu nội địa: 4.176,5 tỷ đồng, đạt 56,8% dự toán, tăng 18,7% cùng kỳ.
- Thu xuất nhập khẩu: 1.028 tỷ đồng, đạt 158,2% dự toán, tăng gấp 3,3 lần cùng kỳ.

**II. VỀ CHI NSĐP**

Tổng chi ngân sách địa phương 4.120,6 tỷ đồng, đạt 46,8% dự toán, tăng 22,5% cùng kỳ, bao gồm:

- Chi cân đối NSĐP: 3.566,7 tỷ đồng, đạt 43,7% dự toán, tăng 19,3% cùng kỳ.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 553,9 tỷ đồng, đạt 87,1% dự toán.

### **III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP**

#### **1. Tổng thu NSDP .....5.920,2 tỷ đồng.**

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 3.897,7 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW ..... 929,3 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn năm trước sang ..... 1.093,2 tỷ đồng.

#### **2. Tổng chi NSDP.....4.170,5 tỷ đồng.**

- Chi cân đối NSDP ..... 3.566,7 tỷ đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ ..... 553,9 tỷ đồng.
- Chi tạm ứng ngân sách ..... 49,9 tỷ đồng.

#### **3. Tồn quỹ NSDP (1-2).....1.749,7 tỷ đồng.**

- Ngân sách tỉnh..... 931,6 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã ..... 818,1 tỷ đồng.

### **V. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Kết quả đạt được**

##### **a) Về thu ngân sách**

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán. Có 11/17 khoản thu đạt từ 50% trở lên so với dự toán (trong đó có 02 khoản thu vượt dự toán), cụ thể như sau:

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 70,6% so dự toán, tăng 62,5% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt khá là do một số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; một số doanh nghiệp hết thời gian ưu đãi, miễn, giảm thuế nên nộp thuế TNDN tăng so cùng kỳ.

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 53,9% so dự toán, tăng 23,6% so cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do có một số doanh nghiệp xuất khẩu năm 2018, nay chuyển sang bán trong nước nên có số nộp ngân sách về thuế giá trị gia tăng tăng cao,...

- Lệ phí trước bạ đạt 56,2% so dự toán, tăng 30,4% so cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 65,7% so dự toán, giảm 10,3% so cùng kỳ.

- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 58,7% so dự toán, tăng 25,9% so cùng kỳ.

- Phí và lệ phí đạt 54,3% so dự toán, tăng 20% so cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 58,9% so dự toán, tăng 38,8% so cùng kỳ; nguyên nhân chủ yếu do: tăng thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất (từ đất lúa, đất trồng cây lâu năm sang đất ở, sản xuất kinh doanh), thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất (dự án Siêu thị tại Thị trấn huyện Châu Thành: 21,1 tỷ đồng, đấu giá trụ sở UBND xã Long Khánh 4,8 tỷ đồng,...).

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 115,1% so dự toán, tăng 115,4% so cùng kỳ.

- Các khoản thu tại xã đạt 60,5% so dự toán, tăng 3,6% so cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 70,3% so dự toán, tăng 3,9% so cùng kỳ, chủ yếu do Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh nộp ngân sách lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2018 sau khi trích lập các quỹ là 400 tỷ đồng.

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 158,2% so dự toán, tăng gấp 3,2 lần cùng kỳ, số thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu của 06 tháng tăng mạnh so với dự toán và cùng kỳ năm 2018 chủ yếu do số lượng danh mục đăng ký tạo tài sản cố định của doanh nghiệp tăng (09 danh mục dự án điện năng mặt trời); ngoài ra, do các doanh nghiệp thực hiện nộp khoản thuế giá trị gia tăng đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định trong năm 2018 đã được gia hạn theo quy định.

- Có 9/9 huyện, thành phố đều đạt trên 50% dự toán, trong đó huyện Châu Thành đạt cao nhất với 81,8% dự toán; chủ yếu do có một số khoản thu vượt tiến độ như: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh (58,5%), lệ phí trước bạ (56,2%), thu tiền sử dụng đất (81,8%).

## **b) Về chi ngân sách**

Điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Mặc dù tiến độ chi ngân sách địa phương đạt thấp so dự toán nhưng cũng đã đảm bảo các nhu cầu chi an sinh xã hội, chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ đột xuất khác, Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 52,7% dự toán, tăng 37,2% so với cùng kỳ. Nhìn chung lĩnh vực chi đầu tư phát triển đảm bảo theo tiến độ dự toán.

- Chi thường xuyên đạt 41,3% so dự toán, tăng 10,6% so cùng kỳ. Một số khoản chi đạt và vượt so với tiến độ dự toán như: Chi sự nghiệp thủy lợi 61% dự toán do cấp bù miễn thu thủy lợi phí; chi sự nghiệp giao thông đạt 54,8% so dự toán do tích cực triển khai các công trình mới và thanh toán các công trình chuyển tiếp; Chi đảm bảo xã hội đạt 67,9% so dự toán, tăng 7,4% so cùng kỳ chủ yếu do chi hỗ trợ tiền Tết Kỷ Hợi năm 2019 phát sinh vào đầu năm.

- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 87,1% so dự toán, tăng 49,1% so cùng kỳ, nguyên nhân vượt dự toán chủ yếu do giải ngân thực hiện các dự án từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung, vốn trái phiếu chính phủ đã có khối lượng; ngoài ra, do có chi từ nguồn thanh toán tạm ứng đầu tư năm 2018 chuyển sang.

## **2. Khó khăn, hạn chế**

### **a) Về thu ngân sách**

Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá nhưng vẫn còn 6/17 khoản thu chưa đạt tiến độ, dưới 50% so với dự toán, cụ thể:

- Thu từ DNNN Trung ương đạt 47,4% so dự toán, tăng 18,4% so cùng kỳ.
- Thu từ DNNN địa phương đạt 37% so dự toán, giảm 1,1% so cùng kỳ.
- Thuế bảo vệ môi trường đạt 44% so dự toán, tăng 31,3% so cùng kỳ.
- Thu tiền thuê đất đạt 44% so dự toán, giảm 5,9% so cùng kỳ.
- Thu khác ngân sách đạt 39,8% so dự toán, giảm 15% so cùng kỳ.
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 29,8% so dự toán, giảm 60,3% so cùng kỳ.

### **b) Về chi ngân sách**

Một số khoản chi đạt thấp so với dự toán:

- Chi thường xuyên có tiến độ giải ngân thấp so dự toán (đạt 41,3%), tăng 10,6% so cùng kỳ. Trong đó, có một số khoản chi đạt rất thấp so với dự toán, chủ yếu tại các lĩnh vực như:

+ Chi sự nghiệp nông nghiệp đạt 18,2%, chủ yếu do: một số công việc phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định (công tác kiểm tra, phúc tra, lấy mẫu, công tác tiêm phòng,...); một số dự án không thực hiện theo kế hoạch đã đề ra, như: Dự án trồng thâm canh cây Bưởi và dự án trồng thâm canh cây Xoài, Mô hình nuôi thâm canh Cá tra,...;

+ Chi sự nghiệp lâm nghiệp 22,8%, chủ yếu do: Các hạng mục công trình lâm sinh thuộc nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng chiếm tỷ trọng lớn trong dự toán được giao nhưng thường được nghiệm thu và thanh toán vào cuối năm sau khi các hộ nhận giao khoán rừng trồng hoàn thành nhiệm vụ;

+ Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình đạt 22,1%, sự nghiệp môi trường 24,5%,... nguyên nhân chủ yếu do: tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị dự toán còn chậm.

- Chi Chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp đạt 37% so dự toán, tăng 41,8% so cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do công tác phân khai vốn còn chậm, tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn của các đơn vị, huyện được giao thực hiện Chương

trình còn chậm; ngoài ra còn do việc phân khai vốn chi tiết cho các dự án thuộc Chương trình MTQG nông thôn mới (10% dự phòng NSTW) chưa hoàn thành do phải trình HĐND tỉnh cho chủ trương phân bổ nguồn vốn này trước khi ban hành Quyết định phân khai theo quy định.

*(Chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN và 61/CK-NSNN).*

Trên đây là Báo cáo công khai tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019./.

*Nơi nhận:* 

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP,
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT VP.

(Dương Thảo 2019 17. BC)

8

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 240/BC-UBND ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỶ
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>8.000.000</b>	<b>5.204.520</b>	<b>65,1%</b>	<b>138,4%</b>
1	Thu nội địa	7.350.000	4.176.520	56,8%	118,7%
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	650.000	1.028.000	158,2%	428,6%
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>8.739.100</b>	<b>5.920.213</b>	<b>67,7%</b>	<b>114,3%</b>
1	Thu NSDP được hưởng (thu 100% và điều tiết)	6.743.343	3.897.662	57,8%	118,7%
2	Thu bổ sung từ NSTW	1.992.689	929.341	46,6%	75,9%
	- Bổ sung cân đối	1.356.731	660.000	48,6%	100,0%
	- Bổ sung các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	635.958	269.341	42,4%	47,7%
3	Thu chuyển nguồn	3.068	1.093.210	35632,7%	162,7%
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.800.000</b>	<b>4.170.515</b>	<b>47,4%</b>	<b>124,0%</b>
I	Chi cân đối NSDP	8.164.042	3.566.739	43,7%	119,3%
II	Chi tạm ứng		49.876		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	635.958	553.900	87,1%	149,1%
<b>D</b>	<b>BỘI CHI NSDP</b>	<b>60.900</b>			
<b>E</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>16.815</b>			

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 24/Q/BC-UBND ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)</b>	<b>8.000.000</b>	<b>5.204.520</b>	<b>65,1%</b>	<b>138,4%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>7.350.000</b>	<b>4.176.520</b>	<b>56,8%</b>	<b>118,7%</b>
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	625.000	282.226	45,2%	114,5%
1.1	Thu từ DNNN trung ương	490.000	232.305	47,4%	118,4%
1.2	Thu từ DNNN địa phương	135.000	49.921	37,0%	98,9%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	470.000	331.675	70,6%	162,5%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600.000	862.345	53,9%	123,6%
4	Lệ phí trước bạ	325.000	182.634	56,2%	130,4%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	5.256	65,7%	89,7%
6	Thuế thu nhập cá nhân	710.000	416.992	58,7%	125,9%
7	Thuế bảo vệ môi trường	705.000	309.987	44,0%	131,3%
8	Thu phí, lệ phí	460.000	249.741	54,3%	120,0%
9	Thu tiền sử dụng đất	360.000	212.130	58,9%	138,8%
10	Thu tiền thuê đất	290.000	127.631	44,0%	94,1%
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	21.000	24.172	115,1%	255,4%
12	Thu khác ngân sách	230.000	91.529	39,8%	85,0%
13	Các khoản thu tại xã	21.000	12.706	60,5%	103,6%
14	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	10.000	2.982	29,8%	39,7%
15	Thu từ hoạt động sở xố kiến thiết	1.515.000	1.064.514	70,3%	103,9%
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>650.000</b>	<b>1.028.000</b>	<b>158,2%</b>	<b>428,6%</b>
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG 100% VÀ ĐIỀU TIẾT</b>	<b>6.743.343</b>	<b>3.897.662</b>	<b>57,8%</b>	<b>118,7%</b>



## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 242 /BC-UBND ngày 11/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.800.000</b>	<b>4.120.639</b>	<b>46,8%</b>	<b>122,5%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>8.164.042</b>	<b>3.566.739</b>	<b>43,7%</b>	<b>119,3%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.491.920</b>	<b>1.312.034</b>	<b>52,7%</b>	<b>137,2%</b>
1	Chi đầu tư XD CB	2.419.920	1.280.834	52,9%	133,9%
2	Chi đầu tư phát triển khác	72.000	31.200	43,3%	
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.451.538</b>	<b>2.250.025</b>	<b>41,3%</b>	<b>110,6%</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.179.378	913.965	41,9%	111,7%
2	Chi khoa học và công nghệ	34.970	7.930	22,7%	104,1%
3	Chi sự nghiệp y tế	473.950	143.551	30,3%	80,4%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	81.080	36.437	44,9%	112,0%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	66.420	14.656	22,1%	248,6%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.390	9.889	29,6%	95,1%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	126.500	30.987	24,5%	121,4%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	837.465	320.544	38,3%	179,5%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	931.650	438.696	47,1%	107,7%
10	Chi bảo đảm xã hội	256.036	173.824	67,9%	107,4%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>1.600</b>	<b>680</b>	<b>42,5%</b>	<b>71,4%</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>		<b>0,0%</b>	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>159.400</b>		<b>0,0%</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>58.584</b>		<b>0,0%</b>	
<b>VII</b>	<b>Chi ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội</b>		<b>4.000</b>		
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ</b>	<b>635.958</b>	<b>553.901</b>	<b>87,1%</b>	<b>149,1%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	142.318	40.693	28,6%	109,7%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	493.640	513.208	104,0%	153,4%

